

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ
của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1113/TTr-VP ngày 11 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024 và bãi bỏ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/08/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Công ty Điện lực Thanh Hóa và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, CN, NN, CNTT, KSTTHCNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về các chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Ngoài các chế độ báo cáo định kỳ tại Quy định này, chế độ báo cáo định kỳ khác thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

Chương II CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 3. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế.

- Nội dung yêu cầu báo cáo: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
- Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25/12 hằng năm.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 01/SGTVT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Không

10. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

a) Tình hình thực hiện và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đang triển khai;

- Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo;

- Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã nghiệm thu; tỷ lệ ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

- Đánh giá chung: Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; giải pháp khắc phục.

b) Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo.

c) Đề xuất, kiến nghị.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) UBND các huyện, thị xã, thành phố;

b) Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;

c) Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 20/12 hằng năm.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

c) Sửa đổi thời hạn gửi báo cáo đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố từ “ngày 10/12 hằng năm” thành “ngày 20/12 hằng năm” và sửa đổi thời hạn gửi báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ từ “ngày 20/12 hằng năm” thành “ngày 25/12 hằng năm” được quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 17 và khoản 4 Điều 18 Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 02/SKHHCN tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 03/SKHHCN; Biểu mẫu số 04/SKHHCN; Biểu mẫu số 05/SKHHCN tại Phụ lục II kèm theo.

10. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành “Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 5. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

a) Số lượng các cuộc họp truyền hình trực tuyến trong 01 năm công tác;

b) Tình trạng sử dụng hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin của phòng họp trực tuyến;

c) Chất lượng hoạt động của hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin của phòng họp trực tuyến.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) UBND các xã, phường, thị trấn báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 17/12 hằng năm;

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 20/12 hằng năm;

c) Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

d) Bãi bỏ cụm từ “trước ngày 10/12” được quy định tại khoản 6 Điều 16 Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo:

a) Biểu mẫu đề cương cơ sở: Biểu mẫu số 06/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

b) Biểu mẫu đề cương tổng hợp: Biểu mẫu số 08/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu:

a) Biểu mẫu số liệu cơ sở: Biểu mẫu số 07/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

b) Biểu mẫu số liệu tổng hợp: Biểu mẫu số 09/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 6. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Sở Tài chính: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án.

c) Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách: Báo cáo tình hình thực hiện các dự án; kết quả hỗ trợ và hiệu quả của chính sách đối với dự án đã được hỗ trợ.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Sở Tài chính, các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/12 hằng năm.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 10/SKHĐT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu số 11/SKHĐT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy

định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

- a) Công trình trạm biến áp chuyên dùng do ngành điện đầu tư.
- b) Công trình trạm biến áp trung áp do khách hàng đầu tư.
- c) Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).
- d) Các đề xuất, kiến nghị.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc trên TD office (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo Sở Công Thương trước ngày 20 hàng tháng;

b) Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hàng năm.

c) Sửa đổi thời hạn gửi báo cáo của Công ty Điện lực Thanh Hóa từ “trước ngày 14 hàng tháng” thành “trước ngày 20 hàng tháng” được quy định tại Điều 10 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau: “Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo bằng văn bản định kỳ trước ngày 20 hàng tháng cho Sở Công Thương...”.

6. Tần suất thực hiện báo cáo:

a) Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo tháng về Sở Công Thương: 12 lần/năm;

b) Sở Công Thương báo cáo năm về UBND tỉnh: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu:

a) Báo cáo tháng: Công ty Điện lực Thanh Hóa chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo.

b) Báo cáo năm: Sở Công Thương chốt số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 12/SCT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 13/SCT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quy trình thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 8. Báo cáo đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

1. Nội dung yêu cầu báo cáo: Đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Cơ quan khác.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác trước ngày 16 hằng tháng;

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 12 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu:

a) Báo cáo tháng: Chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo (trừ Báo cáo tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12).

b) Báo cáo quý: Chốt số liệu tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý (trừ Báo cáo quý IV).

c) Báo cáo năm: Chốt số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 14/HCC tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 15/HCC, Biểu mẫu số 16/HCC, Biểu mẫu số 17/HCC, Biểu mẫu số 18/HCC tại Phụ lục II kèm theo.

10. Báo cáo đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện tiếp nhận, tổng hợp, lưu trữ, khai thác dữ liệu thông tin của các chế độ báo cáo định kỳ phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Công bố, công khai Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Thời hạn công bố chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

3. Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và quy định hiện hành.

4. Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Đồng thời, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin của Hệ thống.

5. Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này và quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I**DANH MỤC CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HÓA***(kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên Báo cáo	Đối tượng thực hiện	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất	Văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo
1.	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế.	Sở Giao thông vận tải	UBND tỉnh	01 lần/năm	Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
2.	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở	+ UBND các huyện, thị xã, thành phố; + Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; + Sở Khoa học và Công nghệ.	UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp).	01 lần/năm	Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

3.	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.	UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp)	01 lần/năm	Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4.	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.	UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp).	01 lần/năm	Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
5.	Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương.	UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).	12 lần/năm và 01 lần/năm.	Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quy trình thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6.	Báo cáo đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Cơ quan khác.	12 lần/năm	<p>Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa.</p>
----	--	--	--	------------	--

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỀ CƯƠNG VÀ BÁO CÁO SỐ LIỆU
KÈM THEO CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
(kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Biểu mẫu số 01/SGTVT

*Đơn vị báo cáo: Sở Giao thông vận tải;
Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không
mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân
đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế năm...**

1. Số đường bay đã mở mới.
2. Số kinh phí đã hỗ trợ; các cơ chế chính sách đã hỗ trợ
3. Ưu điểm, hạn chế, khó khăn
(Đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ)
4. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan
- Lưu: VT, HC.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 02/SKHHCN

Cơ quan, đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện; Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp).

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm....

1. Tình hình thực hiện và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

- Tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đang triển khai
- Tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo
- Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã nghiệm thu, trong đó kết quả đánh giá xếp loại:

+ Xuất sắc:.....nhiệm vụ

+ Đạt:nhiệm vụ

+ Không đạt:nhiệm vụ

- Đánh giá chung:

+ Kết quả đạt được:

+ Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

+ Giải pháp khắc phục:

(Số liệu cụ thể ở biểu mẫu kèm theo)

2. Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
-;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 06/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tình hình vận hành, sử dụng
hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến năm...**

1. Nội dung

- Số lượng cuộc họp:
- Địa điểm thực hiện:
- Vận hành hoạt động hệ thống:.....
- Diễn biến hoạt động của các cuộc họp:.....
- Tổng hợp thông tin và đề xuất các biện pháp xử lý:.....
- Cán bộ thực hiện:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn A	Chuyên viên VP
2	Nguyễn Văn B	Cán bộ kỹ thuật Viễn thông

2. Trạng thái thiết bị

(có Biểu mẫu số 06/STTTT kèm theo)

3. Đánh giá chung

- Chất lượng cuộc họp:....
- Xử lý sự cố:
- Đề xuất, kiến nghị:...
- Kết luận chung:

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 07/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.

Biểu số liệu thông tin về hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến

(ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC- ngày..... của)

STT	Loại thiết bị	Địa điểm thực hiện	Số lượng	Đánh giá chung tình trạng thiết bị			Sự cố thiết bị	
				Tốt	Trung bình	Yếu	Nguyên nhân	Phương án khắc phục
I	Thông tin cuộc họp			(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
II	Thống kê trạng thái thiết bị	(*)						
1	Thiết bị giải mã THHN (Polycom, grandstream, aver, máy tính...)	(*)						
2	Hệ thống microphone (thu âm tốt, rè, nhỏ...)	(*)						
3	Hệ thống loa (nghe tốt, nhỏ, ù...)	(*)						
4	Hệ thống hình ảnh (Tỉ vi, máy chiếu...)	(*)						
5	Đường truyền	(*)						
6	Nguồn điện (điện lưới, qua lưu điện...)	(*)						

Ghi chú: ô có (*) là ô không phải điền dữ liệu.

Biểu mẫu số 08/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh Thanh Hóa

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STTTT

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng hợp tình hình vận hành, sử dụng
hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến năm...**

1. Nội dung

- Số lượng cuộc họp:.....
- Vận hành hoạt động hệ thống:.....
- Diễn biến hoạt động của các cuộc họp:.....
- Tổng hợp thông tin và đề xuất các biện pháp xử lý.

2. Trạng thái thiết bị

(có Biểu mẫu số 08/STTTT kèm theo)

3. Đánh giá chung

- Chất lượng cuộc họp:.....
- Xử lý sự cố:
- Đề xuất, kiến nghị:.....
- Kết luận chung:

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 09/STTT
 Cơ quan báo cáo: *Sở Thông tin và Truyền thông*
 Cơ quan nhận báo cáo: *UBND tỉnh Thanh Hóa*

Biểu số liệu thông tin về hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến
 (ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày...../.....của)

STT	Loại thiết bị	Số lượng	Tình trạng thiết bị		
			Tốt	Trung bình	Yếu
I	Thông tin cuộc họp		(*)	(*)	(*)
II	Thống kê trạng thái thiết bị				
1	Thiết bị giải mã THHN (Polycom, grandstream, aver, máy tính...)				
2	Hệ thống microphone (thu âm tốt, rè, nhỏ...)				
3	Hệ thống loa (nghe tốt, nhỏ, ù...)				
4	Hệ thống hình ảnh (Ti vi, máy chiếu...)				
5	Đường truyền				
6	Nguồn điện (điện lưới, qua lưu điện...)				

Ghi chú: ô có (*) là ô không phải điền dữ liệu.

Biểu mẫu 10/SKHĐT

*Cơ quan báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,
Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.*

*Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và
Đầu tư tổng hợp).*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Thuận lợi, khó khăn.

- Đề xuất kiến nghị.

2. Sở Tài chính: Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Thuận lợi, khó khăn.

- Đề xuất kiến nghị.

3. Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách: Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình thực hiện các dự án.

- Đánh giá kết quả hỗ trợ và hiệu quả của chính sách đối với dự án đã được hỗ trợ.

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất kiến nghị.

(Có biểu mẫu kèm theo)

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 11/SKHĐT

Cơ quan báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,
Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp).

**BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG,
VỐN CẤP BÙ LÃI SUẤT VÀ MỨC VỐN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**
(kèm theo Báo cáo số: /BC-.....ngày...../...../.....của.....)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn vay (triệu đồng)	Tình hình thực hiện			Kế hoạch hỗ trợ năm tiếp theo	Thời gian hoàn thành dự án	Ghi chú	
							Tổng vốn được hỗ trợ (triệu đồng)	Vốn đã được hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (triệu đồng)					Số vốn còn lại chưa được hỗ trợ (triệu đồng)
								Tổng	Trong đó: Vốn hỗ trợ của năm báo cáo				
1													
2													
....													
	Tổng cộng												

Biểu mẫu 12/SCT

*Cơ quan báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương
Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-....

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận
điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

1. Công trình trạm biến áp chuyên dùng do ngành Điện đầu tư

- Số lượng: ... công trình;
- Thời gian giải quyết trung bình của ngành điện: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của ngành điện so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Công trình trạm biến áp trung áp do khách hàng đầu tư

- Số lượng: ... công trình;
- Thời gian giải quyết trung bình của ngành điện: ... ngày.
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của ngành điện so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

(Có biểu mẫu số liệu kèm theo)

3. Các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có)

4. Các đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 13/SCT

Cơ quan báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương
 Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).

**BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC RÚT NGẮN THỜI GIAN
 TIẾP CẬN ĐIỆN NĂNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(kèm theo Báo cáo số: /BC- ...ngày .././... của.....)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Thời gian tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục khảo sát hiện trường, thỏa thuận đấu nối (ngày)			Thời gian giải quyết thủ tục Thỏa thuận vị trí cột/trạm điện và hành lang lưới điện và cấp phép thi công đối với các công trình có vị trí cột điện, trạm biến áp (ngày)			Thời gian giải quyết thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (ngày)			Thời gian giải quyết thủ tục Ký kết hợp đồng mua bán điện, nghiệm thu đóng điện (bao gồm cả thời gian thi công đối với công trình thuê ngành điện đầu tư) (ngày)			Tổng thời gian giải quyết của ngành điện	Tổng thời gian giải quyết của Cơ quan nhà nước	Thời gian thực tế giải quyết	Tổng thời gian rút ngắn	Ghi chú
			Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn	Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn	Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn	Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(20)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16=5+14)	(17)= Max (cột 8, 11)	(18=16+17)	(19)=Cột (6 + min (cột 9+12)+15)	(20)
A	CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP CHUYÊN DỤNG DO NGÀNH ĐIỆN ĐẦU TƯ																		
1	Công trình ..																		
2	Công trình ..																		
3																		
	Tổng A														(*)	(**)			
B	CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP TRUNG ÁP DO KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ																		
1	Công trình ..																		
2	Công trình ..																		
3																		
	Tổng B														(*)	(**)			

Ghi chú: Ô (*) là Tổng thời gian giải quyết trung bình của ngành điện = Tổng cột (16)/tổng số công trình;

Ô (**) là Tổng thời gian giải quyết trung bình của Cơ quan nhà nước = Tổng cột (17)/tổng số công trình.

Biểu mẫu 14/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HCC

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tình hình tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến
tháng .../quý ... /năm ...**

1. Kết quả tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến

a) Toàn tỉnh.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:....%
(Chi tiết tại Biểu mẫu 15/HCC kèm theo)

b) Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:....%
(Chi tiết tại Biểu mẫu 16/HCC kèm theo)

c) UBND cấp huyện.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:....%
(Chi tiết tại Biểu mẫu 17/HCC kèm theo)

d) UBND cấp xã.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:....%
(Chi tiết tại Biểu mẫu 18/HCC kèm theo)

2. Đánh giá chung

3. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để tổng hợp, báo cáo nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để theo dõi);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để biết);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để biết);
- ...
- BGĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 15/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
THÁNG.. /QUÝ.../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp	Qua BCCI			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Sở, ban, ngành cấp tỉnh					= (a+c)/(a+b+c+d)x100	= c/(c+d)x100	
1	DVC trực tuyến một phần		a	b				
2	DVC trực tuyến toàn trình		c	d				
II	UBND cấp huyện							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							
III	UBND cấp xã							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							
IV	Tổng cộng toàn tỉnh (I+II+III)							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							

Biểu mẫu 16/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH
THÁNG.. /QUÝ.../NĂM...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số

/BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ¹				Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (Vượt chỉ tiêu/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (Vượt chỉ tiêu/không đạt)	
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở/ ngành ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	
	DVC trực tuyến một phần		a	b						
	DVC trực tuyến toàn trình		c	d						
2	Sở/ ngành ...									
	DVC trực tuyến một phần									
	DVC trực tuyến toàn trình									
3	...									

¹ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.

Biểu mẫu 17/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA UBND CẤP HUYỆN
THÁNG.. /QUÝ..../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ²				Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (đạt/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (đạt/không đạt)	
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	UBND huyện, thị xã, thành phố ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	
	DVC trực tuyến một phần		a	b						
	DVC trực tuyến toàn trình		c	d						
2	UBND huyện, thị xã, thành phố ...									
	DVC trực tuyến một phần									
	DVC trực tuyến toàn trình									
3	...									

² Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.

Biểu mẫu 18/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA UBND CẤP XÃ
THÁNG.. /QUÝ.../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ³			
		Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (đạt/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (đạt/không đạt)
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Huyện, thị xã, thành phố ...								
1.1	UBND xã, phường, thị trấn ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt
	DVC trực tuyến một phần		a	b					
	DVC trực tuyến toàn trình		c	d					
1.2	UBND xã, phường, thị trấn ...								
2	Huyện, thị xã, thành phố ...								
	...								

³ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.